

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án Phát triển du lịch
huyện Quảng Xương đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/06/2009;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 08/NQ-TW ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 623-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về ban hành Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 492/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 1554/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX;

Căn cứ Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 07/06/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh tên Đề án và đề cương Đề án Phát triển du lịch huyện Quảng Xương đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 75/TTr-SVHTTDL ngày 07/01/2022 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch huyện Quảng Xương đến năm 2030”, kèm theo hồ sơ, văn bản có liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển du lịch huyện Quảng Xương đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát triển du lịch phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội và du lịch trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Việt Nam, vùng Bắc Trung Bộ, tỉnh Thanh Hóa và huyện Quảng Xương; đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội.

- Phát triển du lịch theo hướng bền vững, đảm bảo khai thác có hiệu quả, phát huy được các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên; khôi phục và phát huy bản sắc văn hóa người dân vùng ven biển, văn hóa làng nghề; bảo tồn các giá trị tự nhiên và văn hóa, gắn với bảo vệ môi trường du lịch, an ninh, an toàn du lịch.

- Phát triển du lịch trên cơ sở xác định các khâu đột phá để khắc phục những bất cập, hạn chế, trong đó, tập trung phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm, tạo động lực cho phát triển cho du lịch huyện; đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển du lịch.

- Phát triển sản phẩm du lịch gắn với thế mạnh về tài nguyên du lịch biển và tài nguyên du lịch nước khoáng nóng, tạo đòn bẩy để hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch đặc sắc, nổi trội, mang nét đặc trưng riêng của địa phương.

- Phát triển du lịch huyện Quảng Xương trong không gian tổng thể kết nối với các địa phương khác trong tỉnh và khu vực, trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế vị trí địa lý của huyện.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

- Phát triển hệ thống các sản phẩm và hoạt động du lịch đồng bộ, chất lượng cao, với các loại hình đa dạng từ du lịch biển, du lịch tâm linh, du lịch trải nghiệm, du lịch ẩm thực và du lịch nghỉ dưỡng; trong đó, du lịch biển và nghỉ dưỡng khoáng nóng là trọng tâm, tạo điểm nhấn và yếu tố khác biệt nhằm khắc phục tính thời vụ, thu hút nhiều thị trường khách, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

- Phát triển du lịch Quảng Xương trở thành điểm nhấn du lịch mới, độc đáo và hấp dẫn của tỉnh cũng như của khu vực miền Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về kinh tế

a) *Giai đoạn 2021-2025:* Đến năm 2025, đón được khoảng 260.000 lượt khách du lịch, trong đó có 300 lượt khách quốc tế và 259.700 lượt khách nội địa; tổng thu du lịch đạt 244.820 triệu đồng, trong đó, tổng thu từ khách du lịch quốc tế đạt 320 triệu đồng và tổng thu từ khách nội địa đạt 244.500 triệu đồng; có 57 cơ sở lưu trú, tương ứng với 5.200 phòng

b) *Giai đoạn 2026-2030*: Tốc độ tăng trưởng bình quân về lượt khách du lịch giai đoạn 2026-2030 đạt 20%. Đến năm 2030, đón được 650.200 lượt khách du lịch, trong đó có 3.500 lượt khách quốc tế và 646.700 lượt khách nội địa. Tổng thu du lịch đạt 899.600 triệu đồng, trong đó tổng thu từ khách du lịch quốc tế đạt 5.800 triệu đồng, từ khách nội địa đạt 893.800 triệu đồng. Số phòng đón khách là 5.470 phòng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01)

2.2. Mục tiêu về xã hội

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa; đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, tham quan du lịch của nhân dân; phát triển du lịch góp phần mở rộng giao lưu, nâng cao dân trí và đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trên địa bàn.

- Đến năm 2025: Tạo công ăn việc làm cho 8.400 lao động, trong đó có 2.800 lao động trực tiếp và 5.600 lao động gián tiếp. Có 5% lao động du lịch địa phương có thể giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản.

- Đến năm 2030: Tạo công ăn việc làm cho 8.700 lao động, trong đó có 2.920 lao động trực tiếp và 5.840 lao động gián tiếp. Có 15% lao động du lịch huyện có thể giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản.

2.3. Mục tiêu về môi trường

- Gắn hoạt động du lịch với gìn giữ, phát huy các giá trị tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đảm bảo môi trường du lịch là yếu tố hấp dẫn, quyết định chất lượng, giá trị thụ hưởng và thương hiệu du lịch.

- Đến năm 2030, 100% các khu, điểm du lịch trên địa bàn huyện có nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn và có hệ thống thu gom xử lý nước thải, rác thải theo quy định.

III. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng tổ chức không gian phát triển du lịch

1.1. Các không gian phát triển trọng điểm

- Khu vực 1: Không gian du lịch các xã phía Bắc vùng ven biển (Quảng Hải, Quảng Lưu, Quảng Thái, Tiên Trang): Nghỉ dưỡng biển dành cho mọi người, kết hợp du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái và hoạt động thể thao biển.

- Khu vực 2: Không gian du lịch các xã phía Nam vùng ven biển (Quảng Nham, Quảng Thạch): Nghỉ dưỡng sông, biển cao cấp và sân golf, kết hợp du lịch sinh thái, du lịch thể thao biển cao cấp, du lịch văn hóa, tâm linh.

- Khu vực 3: Không gian du lịch các xã phía Tây Bắc và trung tâm huyện (Quảng Yên, Quảng Trạch, thị trấn Tân Phong): Nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp, kết hợp du lịch văn hóa, tâm linh, lịch sử, du lịch làng nghề, nông nghiệp.

1.2. Không gian phát triển phụ trợ

- Khu vực phụ trợ 1: Gồm các xã Quảng Phúc, Quảng Khê: Phát triển du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- Khu vực phụ trợ 2: Gồm các xã Quảng Trung, Quảng Chính: Phát triển du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch tìm hiểu lịch sử.

- Khu vực phụ trợ 3: Gồm các xã Quảng Hợp, Quảng Hòa, Quảng Long: Phát triển du lịch tham quan, tìm hiểu lịch sử, văn hóa, tâm linh, du lịch sinh thái nông nghiệp.

2. Định hướng phát triển sản phẩm và thị trường du lịch

2.1. Định hướng phát triển thị trường khách du lịch

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tập trung khai thác, thu hút thị trường khách chính là khách du lịch từ thị trường nội địa; thu hút thêm thị trường khách Trung Quốc và Đông Nam Á.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Tiếp tục trú trọng khai thác thị trường khách nội địa, thị trường khách Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Trung Á; mở rộng tiếp cận dần thị trường Châu Âu, Châu Mỹ.

2.2. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

a) Giai đoạn 2021-2025

- Chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, tham quan (khu vực sông, biển) gắn với sinh thái, du lịch cộng đồng (tại các xã: Quảng Thái, Quảng Lưu, Tiên Trang).

- Phát triển sản phẩm du lịch làng nghề kết hợp du lịch cộng đồng: Đan, dệt cói (xã Quảng Trung), mây tre đan (thị trấn Tân Phong).

- Sản phẩm du lịch tâm linh: Đền Phúc và bia Tây Sơn, chùa Đồng, chùa Mậu Xương, đền Riềng, đền Sòng....

- Sản phẩm du lịch tìm hiểu văn hóa: Mộ và đền thờ Hoàng Bùi Hoàn, mộ và đền thờ Bùi Sĩ Lâm.

- Bước đầu phát triển các sản phẩm du lịch biển tại khu du lịch biển Tiên Trang, Quảng Nham, Quảng Hải và nghỉ dưỡng nước nóng tại khu du lịch nước khoáng nóng Quảng Yên. Ưu tiên phát triển các sản phẩm sinh thái nông nghiệp tại các xã Quảng Hòa, Quảng Hợp, Quảng Khê, thị trấn Tân Phong. Đa dạng hóa các sản phẩm phụ trợ phục vụ các đối tượng khách với đa dạng nhu cầu mang tính trải nghiệm sâu sắc như: khám phá thiên nhiên, du lịch thể thao ở khu vực ven biển, du lịch giải trí, leo núi, mua sắm...

b) Giai đoạn 2026-2030

- Tập trung phát triển mạnh du lịch biển (tại khu, điểm du lịch biển Tiên Trang, Quảng Nham, Quảng Hải, Quảng Lưu), sản phẩm du lịch golf với các sản phẩm du lịch đa dạng, đẳng cấp. Chú trọng hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển Quảng Nham, Khu du lịch nước khoáng nóng Quảng Yên; ưu tiên phát triển sản phẩm nghỉ dưỡng biển, du lịch nghỉ dưỡng

cộng đồng, du lịch làng nghề cao cấp tại điểm du lịch cộng đồng, làng nghề xã Tiên Trang, Quảng Trung, Quảng Hải, du lịch tìm hiểu văn hóa - tâm linh tại Di tích cách mạng Bến Phà Ghép nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường; tiếp tục đa dạng hóa các dịch vụ, sản phẩm du lịch giai đoạn trước hỗ trợ cùng phát triển du lịch bốn mùa, hạn chế tính mùa vụ, kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

- Phát triển sản phẩm du lịch Quảng Xương gắn với các đặc trưng sau:

(1) Cảnh quan biển đẹp yên bình: Cảnh quan huyện Quảng Xương đa dạng, đặc sắc với sự kết hợp hài hòa giữa cảnh quan núi, biển, những dòng sông chảy êm đềm, cánh đồng rộng bát ngát tạo nên vẻ đẹp yên bình.

(2) Nguồn khoáng nóng tự nhiên quý hiếm.

(3) Khu nông nghiệp công nghệ cao đa dạng sản phẩm.

(4) Độc đáo bản sắc văn hóa làng nghề: Sự đa dạng văn hóa các làng nghề, đa dạng văn hóa giữa vùng đất liền và biển là điểm hấp dẫn, lôi cuốn khách du lịch với phong cách sinh hoạt, lối sống, nét sinh hoạt riêng.

(5) Khí hậu mát mẻ, trong lành: Khí hậu khu vực ven biển mang sự mát mẻ, trong lành thích hợp cho các hoạt động nghỉ dưỡng, tắm biển.

(6) Sản phẩm giao thoa giữa không gian hiện đại và truyền thống.

3. Định hướng phát triển tuyến du lịch trọng điểm

3.1. Các tuyến du lịch liên kết nội huyện (Thời gian trung bình: ½ - 1 ngày; loại hình vận chuyển: Đường bộ, đường sông).

- Tuyến Làng chài Quảng Hải (xã Quảng Hải) - chùa Mậu Xương (xã Quảng Lưu) - Làng nghề mây tre đan Quảng Phong (thị trấn Tân Phong) - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (xã Quảng Yên) - Khu du lịch biển Quảng Lưu (xã Quảng Lưu).

- Mộ và Đền thờ Bùi Sĩ Lâm (xã Quảng Trạch) - Mộ và Đền thờ Hoàng Bùi Hoàn (xã Quảng Trạch) - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (xã Quảng Yên) - Đền thờ Trần Nhật Duật (xã Quảng Hợp) - Làng nghề mây tre đan Quảng Phong (thị trấn Tân Phong).

- Sân golf Quảng Nham (xã Quảng Nham) - Khu du lịch biển Tiên Trang (xã Tiên Trang) - Thôn Ngư Phương (xã Quảng Khê) - Làng nghề mây tre đan Quảng Phong (thị trấn Tân Phong) - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (xã Quảng Yên).

- Tuyến Khu du lịch biển Tiên Trang (xã Tiên Trang) - Làng nghề cói Quảng Phúc (xã Quảng Phúc) - Khu nuôi trồng thủy sản Quảng Trung (xã Quảng Trung) - Di tích Bến Phà Ghép (xã Quảng Trung) - Khu du lịch biển Quảng Nham (xã Quảng Nham).

- Tuyến Khu du lịch biển Quảng Nham (xã Quảng Nham) - Đền Phúc và Bia Tây Sơn (xã Quảng Nham) - Chùa Đồng (xã Quảng Thạch) - Làng chài Tiên Trang (xã Tiên Trang) - Bãi biển Quảng Thái (xã Quảng Thái) - Chùa Diên

Phúc (xã Quảng Thái) - Làng Chài Quảng Hải (xã Quảng Hải).

- Khu nuôi trồng thủy sản Quảng Trung (xã Quảng Trung) - Di tích lịch sử Bến Phà Ghép (xã Quảng Trung) - Di tích cây đa làng Si (xã Quảng Chính) - Làng nghề trồng Đào (xã Quảng Chính) - Bãi biển Quảng Thạch (xã Quảng Thạch) - Làng nghề cói Quảng Phúc (xã Quảng Phúc).

- Mộ và đền thờ Hoàng Bùi Hoàn (xã Quảng Trạch) - Mộ và đền thờ Bùi Sĩ Lâm (xã Quảng Trạch) - Đền thờ Trần Nhật Duật (xã Quảng Hợp) - Chùa Mậu Xương (xã Quảng Lưu) - Khu du lịch biển Quảng Lưu (xã Quảng Lưu) - Làng chài Quảng Thái (xã Quảng Thái) - Đền Phúc và Bia Tây Sơn (xã Quảng Nham) - Chùa Đồng (xã Quảng Thạch).

- Khu du lịch biển Tiên Trang (xã Tiên Trang) - Làng chài Quảng Thái (xã Quảng Thái) - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (xã Quảng Yên).

- Làng nghề mây, tre đan đan Quảng Phong (thị trấn Tân Phong) - Đền thờ Trần Nhật Duật (xã Quảng Hợp) - Khu trang trại dưa Kim hoàng hậu (xã Quảng Hợp) - Làng nghề cói (xã Quảng Phúc) - Làng chài Tiên Trang (xã Tiên Trang).

- Tuyển Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (xã Quảng Yên) - Bia Phủ Cảnh (xã Quảng Yên) - Đền Riêng (xã Quảng Yên) - Đền Sòng (xã Quảng Long) - Làng nghề trồng Đào (xã Quảng Chính) - Trải nghiệm tại xã Quảng Khê (sản phẩm OCOP “Ngâm chân Mộc Việt” và “Lá xông cảm lạnh”).

- Tuyển du thuyền trên sông Yên/ sông Lý (bắt đầu di chuyển từ bến thuyền tại xã Quảng Nham) - tham quan làng nghề cói ven sông - Thưởng thức ẩm thực đồng quê ven sông.

- Tuyển du thuyền từ Cầu Ghép (xã Quảng Trung) - Thưởng thức ẩm thực xã Quảng Phúc - Tham quan cánh đồng Quảng Phúc (xã Quảng Phúc) - Tham quan đồng nuôi rươi (xã Quảng Phúc) - Đền Sòng (xã Quảng Long) - Khu khoáng nóng Quảng Yên (xã Quảng Yên).

3.2. Các tuyến du lịch liên kết nội tỉnh (Thời gian trung bình: 1 - 2 ngày; loại hình vận chuyển: Đường bộ, đường sông, đường biển).

a) Tuyến theo hướng Bắc - Nam

- Khu kinh tế Nghi Sơn - Bãi biển Tĩnh Gia (thị xã Nghi Sơn)- Sân golf Quảng Nham - Làng chài Tiên Trang (huyện Quảng Xương) - Khu du lịch Sầm Sơn.

- Thành Nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc) - Thành phố Thanh Hóa - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên - Khu nuôi trồng thủy sản Quảng Trung (huyện Quảng Xương).

- Vườn Quốc gia Bến En (huyện Như Thanh) - Di tích lịch sử Bến Phà Ghép - Làng mây, tre đan Quảng Phong (huyện Quảng Xương) - Khu du lịch Hàm Rồng (thành phố Thanh Hóa) - Chiến khu Ngọc Trạo (huyện Thạch Thành).

- Khu du lịch Pù Luông (huyện Bá Thước) - Suối cá thần Cẩm Lương (huyện Cẩm Thủy) - Thành phố Thanh Hóa (huyện Vĩnh Lộc) - Khu du lịch biển Tiên Trang - Khu du lịch biển Quảng Nham (huyện Quảng Xương).

- Khu du lịch biển Quảng Nham (huyện Quảng Xương) - Thành phố Thanh Hóa - Khu du lịch Lam Kinh (huyện Thọ Xuân) - Vườn Quốc gia Bến En (huyện Như Thanh).

- Tuyến du thuyền đi từ cầu Ghép đến Sầm Sơn và chiều ngược lại.

b) Tuyến theo hướng Đông - Tây

- Khu du lịch Lam Kinh (huyện Thọ Xuân) - Làng nghề cói Quảng Phúc - Di tích lịch sử Bến Phà Ghép - Khu du lịch biển Quảng Nham (huyện Quảng Xương).

- Khu bảo tồn Xuân Liên (huyện Thường Xuân) – Khu di tích Lam Kinh (huyện Thọ Xuân) - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên - Chùa Mậu Xương - Khu du lịch biển Quảng Lưu (huyện Quảng Xương).

- Khu du lịch Sầm Sơn - Làng nghề mây, tre đan Quảng Phong - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (huyện Quảng Xương) - Khu du lịch Bến En (huyện Như Thanh).

- Khu du lịch Sầm Sơn - Sân golf Quảng Nham - Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (huyện Quảng Xương).

- Khu du lịch khoáng nóng Quảng Yên (huyện Quảng Xương) - Khu du lịch Sầm Sơn - Sân golf Quảng Nham (huyện Quảng Xương).

c) Các tuyến du lịch liên tỉnh (Thời gian trung bình: 2 - 4 ngày; loại hình vận chuyển: Đường bộ, đường biển)

- Tuyến tỉnh Hòa Bình – huyện Bá Thước – huyện Thọ Xuân – huyện Quảng Xương;

- Tuyến tỉnh Ninh Bình - Thành phố Thanh Hóa - huyện Quảng Xương - tỉnh Nghệ An;

- Tuyến thành phố Hà Nội - tỉnh Ninh Bình - Quảng Xương - Nghi Sơn - tỉnh Hà Tĩnh;

- Tuyến thành phố Hà Nội - thành phố Thanh Hóa – huyện Quảng Xương - thành phố Huế;

- Tuyến tỉnh Ninh Bình – thị xã Bỉm Sơn – thành phố Sầm Sơn – huyện Quảng Xương – thị xã Nghi Sơn;

- Tuyến tỉnh Lào Cai – huyện Bá Thước – huyện Quảng Xương.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp về quy hoạch

- Hoàn thiện các Quy hoạch vùng huyện, Quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng định hướng đến 2035, 2045 tầm nhìn đến 2065, làm cơ sở cho việc xây dựng các chương trình, kế hoạch để triển khai cụ thể trên các lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng về du lịch.

- Lập quy hoạch phát triển du lịch đối với các khu vực ưu tiên phát triển du lịch như: Lập quy hoạch, đề xuất dự án đầu tư theo mô hình khu du lịch sinh

thái nghỉ dưỡng Farmstay tại xã Quảng Lưu; Quy hoạch tuyến đường sông từ Cầu Cảnh, xã Quảng Yên đến Cống Ngọc Giáp, xã Quảng Thạch... Quy hoạch không gian phát triển các khu, điểm du lịch, quy hoạch các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng..., làm cơ sở để quản lý, thu hút đầu tư. Quy hoạch các khu vực phát triển các hoạt động dịch vụ vui chơi giải trí, nghệ thuật, ẩm thực, thương mại, đảm bảo không gian, khoảng cách phù hợp, tiện nghi, hiện đại, thuận lợi cho du khách trải nghiệm.

- Triển khai thực hiện tốt các Quy hoạch chi tiết về các khu du lịch hiện có, rà soát thực hiện đầu tư cải tạo, xây dựng nhằm hình thành hệ thống hạ tầng hiện đại, cao cấp. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập quy hoạch và giải phóng mặt bằng.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch để đảm bảo tiến độ, mục tiêu phát triển du lịch bền vững. Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư vào các dự án trong các khu du lịch đã được quy hoạch.

- Đưa nội dung đánh giá việc thực hiện các quy hoạch vào báo cáo hoạt động hàng năm của huyện nhằm kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các quy hoạch; quản lý chặt chẽ, đồng bộ công tác xây dựng các công trình ven biển, tránh sự lộn xộn, giữ gìn cảnh quan.

2. Nhiệm vụ và giải pháp về đầu tư và huy động vốn

2.1. Giai đoạn 2021-2025

- Tập trung đầu tư vào khu vực xã Quảng Yên (trọng điểm là Khu nghỉ dưỡng khoáng nóng Quảng Yên do tập đoàn SunGroup làm chủ đầu tư) - thị trấn Tân Phong, xã Quảng Nham (trọng điểm là khu du lịch sinh thái sông, biển, hệ thống sân golf... do tập đoàn ORG làm chủ đầu tư) - xã Quảng Thạch, xã Tiên Trang - Quảng Lưu - Quảng Thái; xã Quảng Phúc - Quảng Khê; xã Quảng Trung - Quảng Chính; xã Quảng Hòa - Quảng Hợp.

- Hoàn thành việc nghiên cứu thi công, đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú, nhà hàng, tổ hợp vui chơi giải trí tại các khu vực du lịch phía Bắc, Nam, Tây Bắc của huyện; hoàn thiện một số hạng mục cảnh quan, hệ thống tổ hợp vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch.

- Xây dựng 03 mô hình: (1) Làng văn hóa kiểu mẫu xã Quảng Yên; (2) Làng nghề kiểu mẫu xã Quảng Phúc và (3) Làng chài văn hóa kiểu mẫu xã Quảng Hải.

- Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng, cơ sở kỹ thuật du lịch cơ bản tại các khu, điểm du lịch (khu biệt thự, khách sạn, homestay, khu hội nghị, cảnh quan...) bước đầu đón khách du lịch.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực; khảo sát đánh giá yêu cầu đào tạo tại các khu, điểm du lịch tại huyện; tổ chức các lớp đào tạo với các yêu cầu cụ thể về các nguồn lực đầu tư.

2.2. Giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục tập trung đầu tư mạnh tại khu vực xã Quảng Nham - Quảng

Thạch; xã Tiên Trang - Quảng Lưu - Quảng Hải; xã Quảng Trạch; xã Quảng Hợp. Tiếp tục bổ sung, nâng cấp, hoàn thiện các dự án đầu tư khu vực xã Quảng Yên - thị trấn Tân Phong; xã Quảng Trung. Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng, tổ hợp vui chơi, giải trí thể thao để đưa vào hoạt động, khai thác, thúc đẩy phát triển du lịch.

- Đầu tư tổ chức đào tạo lại đội ngũ lao động quản lý, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ ở nước ngoài để tiếp cận với trình độ khu vực và quốc tế tại các khu, điểm du lịch.

- Tăng cường thu hút đa dạng hóa các nguồn vốn cho đầu tư, đặc biệt là nguồn lực xã hội hóa; Tranh thủ huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác đầu tư cho phát triển du lịch.

- Tập chung nguồn lực đầu tư xây dựng các hệ thống đường giao thông có tính chiến lược kết nối vùng huyện với các hệ thống hạ tầng về giao thông của Trung ương, của tỉnh theo quy hoạch vùng huyện và quy hoạch chung của tỉnh đến năm 2065.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng, vốn tín dụng nhà nước để đầu tư các dự án du lịch, đầu tư hạ tầng phục vụ hoạt động kinh doanh du lịch; có các ưu đãi đầu tư cho các hoạt động đầu tư phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; ban hành các chính sách, cơ chế phù hợp, tạo môi trường thông thoáng về thủ tục đầu tư; xây dựng chính sách thu hút nguồn lực đầu tư để phát triển du lịch, cân nhắc hỗ trợ một phần vốn đối ứng cho các nhà đầu tư và hỗ trợ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch; phát huy vai trò năng động của thị trường tài chính trong nhân dân. Tăng cường chức năng tư vấn đầu tư du lịch để hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư đơn giản, nhanh chóng, hiệu quả.

- Lồng ghép các hoạt động đầu tư phát triển du lịch trong các chương trình, hoạt động hàng năm.

3. Nhiệm vụ và giải pháp về phát triển thị trường khách du lịch

- Đẩy mạnh thu hút thị trường khách du lịch nội địa, từng bước mở rộng thu hút thị trường khách du lịch quốc tế.

- Tạo sự kết nối, thu hút thị trường khách mới từ các khu công nghiệp (chuyên gia nước ngoài, cán bộ, công nhân...), trung tâm văn hóa thể thao (các đoàn thể thao) trên địa bàn huyện.

- Tăng cường sử dụng các kênh tiếp thị, quảng bá du lịch hiện đại. Xây dựng hình ảnh điểm đến hấp dẫn nhằm thu hút khách du lịch đến Quảng Xương.

- Tổ chức nghiên cứu, điều tra thị trường du lịch định kỳ theo phương pháp cố định để nắm được diễn biến thị trường thường xuyên và có kế hoạch tiếp cận phù hợp với từng phân khúc thị trường.

4. Nhiệm vụ và giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch

- Xác định sản phẩm du lịch chủ đạo của huyện là du lịch biển và du lịch nước khoáng nóng, kết hợp với các sản phẩm du lịch khác cùng phát triển, tạo nên chuỗi sản phẩm du lịch của huyện đặc trưng, độc đáo và hấp dẫn. Phát triển sản phẩm du lịch theo lộ trình, đảm bảo tính bền vững.

- Xây dựng kế hoạch hành động phát triển sản phẩm du lịch theo từng khu vực, làm cơ sở bố trí vốn đầu tư nhà nước và địa phương; liên kết sản phẩm du lịch một cách hệ thống và chất lượng; xây dựng các công cụ quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch; lồng ghép phát triển các sản phẩm du lịch gắn với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, các sản phẩm OCOP tiêu biểu, mô hình sản xuất, chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, làng nghề truyền thống...

- Xây dựng các sản phẩm du lịch tương ứng với từng mùa trong năm, hình thành các hoạt động du lịch bốn mùa; tạo ấn tượng, định vị mới trong thị trường về sản phẩm du lịch Quảng Xương hiện đại, hấp dẫn, đa dạng, cao cấp.

- Kêu gọi đầu tư từ các tổ chức xã hội cho hoạt động đầu tư phát triển sản phẩm du lịch; tập trung thu hút đầu tư phát triển các khu, điểm du lịch, hình thành nên các hạt nhân là tiền đề để thu hút phát triển sản phẩm du lịch.

5. Nhiệm vụ và giải pháp về xúc tiến, quảng bá du lịch

- Xây dựng các chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch chuyên đề gắn với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng huyện Quảng Xương nhằm truyền tải, quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Xương với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng đẳng cấp, hiện đại, hấp dẫn; sử dụng linh hoạt, phối hợp hiệu quả các công cụ quảng bá hiện đại, công nghệ thông minh trong quảng bá du lịch huyện.

- Chủ động đầu mối, phối hợp và tranh thủ sự hỗ trợ của các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, Sở Ngoại vụ, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Hiệp hội Du lịch tỉnh; các doanh nghiệp lữ hành, các cơ quan báo chí, truyền hình, các cơ quan, tổ chức quốc tế để tham dự và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, hoạt động, sự kiện xúc tiến, quảng bá du lịch bài bản, chuyên nghiệp.

- Tổ chức xây dựng trang web du lịch Quảng Xương, kết hợp ứng dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại là các mạng xã hội như Facebook, Youtube, Instagram...; phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị của tỉnh để tích hợp, cập nhật thông tin trên trang Website của các cơ quan, đơn vị phục vụ công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch; hợp tác với cơ quan bưu chính xây dựng các tem, phong bì thư về hình ảnh du lịch huyện Quảng Xương.

- Liên kết thu hút, tổ chức, phối hợp tổ chức các giải thể thao và các sự kiện du lịch, văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia tại huyện nhằm tuyên truyền, quảng bá du lịch, đồng thời, góp phần mở rộng thị trường khách du lịch.

- Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn huyện mở rộng quan hệ hợp tác trong tỉnh, trong nước và quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Kêu gọi xã hội hóa và ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện lắp đặt các biển quảng cáo, xuất bản đa dạng ấn phẩm du lịch đa ngôn ngữ (trọng tâm là tiếng Việt và tiếng Anh). Số hóa các cơ sở dữ liệu du lịch để triển khai rộng rãi, mang đến tiện ích cho các nhà quản lý, kinh doanh du lịch và du khách; tổ chức các cuộc thi sáng tác ý tưởng sản phẩm du lịch nhằm khuyến khích sáng tác các tác phẩm mới lạ, độc đáo về sản phẩm du lịch Quảng Xương.

- Nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ làm công tác xúc tiến du lịch của huyện; có cơ chế huy động nguồn lực của các doanh nghiệp để cùng với ngân sách nhà nước bảo đảm các hoạt động xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch huyện Quảng Xương.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phát huy tối ưu hiệu quả sử dụng các phương tiện, cách thức truyền thông hiện đại, có sức lan tỏa rộng rãi để nâng cao chất lượng, hoạt động thông tin, quảng bá du lịch.

6. Nhiệm vụ và giải pháp về hợp tác, liên kết phát triển du lịch

- Tăng cường thúc đẩy phát triển kinh tế chung trên địa bàn huyện Quảng Xương nhằm tạo nguồn lực về tài chính, thu hút đầu tư cho phát triển du lịch. Xây dựng chính sách liên kết giữa ngành du lịch và các ngành liên quan trong phát triển du lịch của huyện.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực thông qua việc hợp tác phát triển du lịch với các bên liên quan như các tổ chức, các doanh nghiệp, hiệp hội trong và ngoài tỉnh. Huy động nguồn lực đầu tư từ các tổ chức doanh nghiệp, người dân cho các dự án, quy hoạch phát triển du lịch.

- Có cơ chế liên kết, xây dựng kế hoạch hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong tỉnh là thành phố Sầm Sơn, thành phố Thanh Hóa, thị xã Nghi Sơn và các địa phương trọng điểm về du lịch của tỉnh; tăng cường công tác hỗ trợ tiêu dùng sản phẩm liên kết giữa các địa phương.

7. Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức, người lao động và người dân địa phương tham gia các hoạt động du lịch; cụ thể:

- Đối với đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về du lịch: (1) Phát triển năng lực theo hướng chú trọng đào tạo đạt chuẩn năng lực theo chức danh thay vì bằng cấp; trong đó, tập trung vào năng lực am hiểu ngành du lịch và các đặc thù về du lịch, năng lực phục vụ quản lý, điều hành công việc. (2) Thực hiện đánh giá hiện trạng đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn huyện; (3) Nâng cao trình độ sử dụng công nghệ cho đội ngũ quản lý; (4) Thường xuyên nắm bắt, phân tích các kỹ năng cần thiết của các đội ngũ cán bộ quản lý, hoàn thiện và chấn chỉnh các điểm còn yếu kém.

- Đối với nguồn nhân lực tại các đơn vị kinh doanh du lịch của huyện: Đẩy mạnh xã hội hóa, kết hợp hài hòa các nguồn lực của nhà nước, doanh nghiệp và người lao động tron công tác đào tạo nhân lực du lịch. Khuyến khích

các doanh nghiệp, đơn vị có cơ chế, chính sách đào tạo nghề và chủ động đầu mối, phối hợp với các cơ sở đào tạo có chức năng đào tạo nghề du lịch trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động, phù hợp với yêu cầu phát triển của doanh nghiệp; thực hiện tốt chính sách thu hút nhân tài.

- Đối với đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các khu, điểm du lịch: Trú trọng công tác thu hút, xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên có tay nghề, trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ tốt, làm việc chuyên nghiệp, theo chuẩn quốc tế.

8. Nhiệm vụ và giải pháp về công tác quản lý nhà nước

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, các địa phương và nhân dân hiểu vị trí, vai trò quan trọng của ngành kinh tế du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương; quan tâm thực hiện thường xuyên công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho người dân về ý thức và trách nhiệm xây dựng hình ảnh con người Quảng Xương thân thiện, mến khách.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý nhà nước về du lịch. Nghiên cứu, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ quản lý du lịch cho các đơn vị quản lý các khu, điểm du lịch trên địa bàn huyện. Tăng cường quản lý đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại các khu, điểm du lịch, đảm môi trường du lịch văn minh, thân thiện, sẵn sàng hỗ trợ du khách.

- Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển và sức chứa các khu du lịch đưa vào hoạt động quản lý.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong hoạt động du lịch, thường xuyên tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

9. Nhiệm vụ và giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch

- Lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào các hoạt động phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch biển; chú trọng công tác đánh giá tác động môi trường khi thực hiện các dự án đầu tư, phát triển du lịch; quan tâm tổ chức các sự kiện về bảo vệ môi trường tại các khu du lịch biển trên địa bàn huyện, tập huấn về môi trường cho các cán bộ quản lý, các doanh nghiệp du lịch; khuyến khích xây dựng các mô hình phát triển thân thiện với môi trường, mô hình du lịch xanh.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ; sử dụng hợp lý, hạn chế sử dụng hoặc tái chế, tái sử dụng tài nguyên từ hoạt động du lịch; áp dụng công nghệ trong đảm bảo môi trường xã hội; ưu tiên bố trí kinh phí mua sắm các trang thiết bị hiện đại bảo vệ môi trường.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành và cơ sở lưu trú du lịch trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường biển; khuyến khích sử dụng nguồn năng lượng sạch và có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường; đẩy mạnh phối hợp liên vùng trong hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ sự hỗ trợ về chính sách và kỹ thuật để sử dụng hợp lý tài nguyên; phát triển bền vững du lịch sinh thái gắn với việc bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 14.941.539 triệu đồng; trong đó:

- Nhóm dự án quy hoạch, đầu tư hạ tầng: 1.507.897 triệu đồng.
- Các dự án phát triển phát triển du lịch: 13.305.042 triệu đồng.
- Nhóm dự án bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch: 30.040 triệu đồng.
- Nhóm nhiệm vụ bảo tồn và tôn tạo di tích phát huy giá trị văn hóa phát triển du lịch: 80.460 triệu đồng.
- Nhóm nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực du lịch: 4.700 triệu đồng.
- Nhóm nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá phát triển du lịch: 13.400 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

2.1. Giai đoạn 2021-2025: 14.199.121 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương, tỉnh: 928.343 triệu đồng;
- Ngân sách huyện: 153.627 triệu đồng;
- Xã hội hóa: 13.117.151 triệu đồng.

2.2. Giai đoạn 2026-2030: 742.418 triệu đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện Quảng Xương

- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, nghiên cứu xây dựng các sản phẩm du lịch đủ khả năng cạnh tranh trong vùng và khu vực.

- Tham mưu cho Huyện ủy, HĐND huyện ban hành các nghị quyết, chính sách phát triển du lịch để cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Đề án và cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ động, tích cực phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp, hỗ trợ UBND huyện Quảng Xương triển khai hiệu quả Đề án; chủ động lồng ghép các nhiệm vụ phát triển du lịch huyện Quảng Xương với thực hiện các kế hoạch, chương trình, quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh; tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát hoạt động du lịch trên địa bàn huyện Quảng Xương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì tham mưu, báo cáo UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện Quảng Xương, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển hàng năm, tham mưu bố trí vốn triển khai các dự án đầu tư hạ tầng du lịch thuộc danh mục Đề án.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh (nguồn vốn sự nghiệp) cho các nhiệm vụ thuộc Đề án.

5. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh lập và triển khai quy hoạch xây dựng tại các khu, điểm du lịch; hướng dẫn thủ tục, cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật; đồng thời, phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện Quảng Xương và đơn vị có liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn huyện Quảng Xương theo thẩm quyền.

6. Sở Công Thương: Hỗ trợ UBND huyện Quảng Xương trong công tác quảng bá, giới thiệu và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, hàng nông sản, đặc sản của địa phương, gắn với phục vụ phát triển du lịch.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát xây dựng phương án, kế hoạch bảo vệ tài nguyên môi trường; tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn huyện Quảng Xương; tham mưu trình UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất đối với các dự án du lịch trên địa bàn huyện Quảng Xương.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp, hỗ trợ UBND huyện Quảng Xương và các đơn vị liên quan lồng ghép các nội dung phát triển du lịch vào Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, các làng nghề là sản phẩm OCOP; phát triển du lịch nông nghiệp tại các khu, tuyến, điểm du lịch trên địa bàn huyện; hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án du lịch liên quan đến đất rừng và thuê môi trường rừng.

9. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch: Hỗ trợ huyện Quảng Xương trong công tác tuyên truyền, quản bá du lịch của huyện và tại các ấn phẩm quảng bá du lịch tỉnh Thanh Hóa; hỗ trợ địa phương kết nối với các doanh nghiệp, đơn vị lữ hành, cơ quan, đơn vị truyền thông để quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Xương và thực hiện kết nối với các địa phương phát triển du lịch trong tỉnh, trong nước để tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm cho cán bộ quản lý du lịch và người dân địa phương.

10. Hiệp hội Du lịch tỉnh: Phối hợp với sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND huyện Quảng Xương tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng (các kỹ năng phục vụ khách du lịch); định hướng, hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp du lịch đến khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư, phát triển du lịch tại huyện Quảng Xương và ưu tiên lựa chọn, tổ chức sự kiện, lễ hội xúc tiến phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

11. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan: Chủ động lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ phát triển du lịch huyện Quảng Xương tại Đề án với các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành, đơn vị; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Quảng Xương thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (VA1099).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC 01
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN QUẢNG XƯƠNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Tổng lượt khách	Lượt	109.747	148.155	200.061	260.000	312.564	375.550	451.560	541.872	650.200
1.1	Khách quốc tế	Lượt	47	61	134	300	677	1.286	2.443	2.932	3.500
-	Khách không lưu trú		33	43	74	170	271	514	977	1.173	1.400
-	Khách lưu trú		14	18	60	130	406	771	1.466	1.759	2.100
1.2	Khách nội địa	Lượt	109.700	148.094	199.928	259.700	311.887	374.264	449.117	538.941	646.700
-	Khách không lưu trú		87.760	111.071	149.946	181.800	218.321	261.985	314.382	377.258	452.700
-	Khách lưu trú		21.940	37.024	49.982	77.900	93.566	112.279	134.735	161.682	194.000
2	Ngày khách lưu trú bình quân	Ngày/ khách	1,1	1,3	1,3	1,3	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4
3	Chỉ tiêu của khách										
3.1	Khách quốc tế										
-	Khách không lưu trú	Trđ	0,57	0,61	0,64	0,68	0,72	0,77	0,81	0,86	0,91
-	Khách lưu trú	Trđ	0,79	0,85	0,91	0,97	1,04	1,11	1,19	1,27	1,36
3.2	Khách nội địa										
-	Khách không lưu trú	Trđ	0,54	0,57	0,60	0,64	0,68	0,72	0,76	0,81	0,85
-	Khách lưu trú	Trđ	0,76	0,81	0,86	0,92	0,99	1,06	1,13	1,21	1,30
4	Doanh thu	Trđ	69.994	120.968	173.686	244.820	337.315	431.272	551.896	704.605	899.600
4.1	Khách quốc tế	Trđ	33	54	132	320	863	1.749	3.546	4.539	5.800
-	Khách không lưu trú		21	34	61	150	274	551	1.109	1.411	1.800
-	Khách lưu trú		12	20	71	170	589	1.198	2.436	3.128	4.000
4.2	Khách nội địa	Trđ	69.960	120.914	173.553	244.500	336.452	429.522	548.350	700.066	893.800
-	Khách không lưu trú		51.739	82.031	117.387	150.800	206.813	263.066	334.619	425.636	541.400
-	Khách lưu trú		18.221	38.883	56.167	93.700	129.639	166.457	213.730	274.430	352.400
5	Số cơ sở lưu trú du lịch	Cơ sở	47	49	52	57	59	62	64	67	69
6	Số phòng	Phòng	617	629	642	5.200	5.252	5.305	5.358	5.411	5.470
7	Số lao động du lịch	Người	2.030	2.107	2.496	8.400	8.463	8.553	8.613	8.682	8.760
7.1	Theo mức độ đóng góp										
-	Lao động trực tiếp	Người	580	602	713	2.800	2821	2851	2871	2894	2.920
-	Lao động gián tiếp	Người	1.450	1.505	1.783	5.600	5.642	5.702	5.742	5.788	5.840
7.2	Theo đào tạo										
-	Lao động qua đào tạo	Người	203	211	250	1.680	1.693	1.711	1.723	1.736	1.750
-	Lao động chưa qua đào tạo	Người	1.827	1.896	2.246	6.720	6.770	6.842	6.890	6.946	7.10

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN QUẢNG XƯƠNG ĐẾN NĂM 2030
 (Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
	Tổng	14.826.907	14.084.489	928.343	153.627	13.002.519	742.418	
I	Nhóm dự án quy hoạch, đầu tư hạ tầng	1.507.897	1.036.574	913.602	119.472	3.500	471.323	
1	Xây dựng, nâng cấp đoạn đường từ Quốc lộ 1A đến xã Quảng Nham (đoạn từ cầu sông Lý đến mũi Lạch Ghép dài 8,5km, rộng 8m)	170.000	18.000		18.000		152.000	
2	Lắp đặt hệ thống đèn cao áp Quốc lộ 1A, đoạn qua xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương	4.862	4.862		4.862			Quyết định số 4697/QĐ-UBND ngày 4/9/2020 của UBND huyện Quảng Xương
3	Lắp đặt hệ thống điện khu vực thị trấn Trần Phong, huyện Quảng Xương	4.127	4.127		4.127			Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 5/7/2021 của UBND huyện Quảng Xương
4	Xây dựng công làng văn hóa Ngọc Trà xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương	312	312		312			Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND huyện Quảng Xương
5	Làm đường giao thông từ cầu sông Hoàng xã Quảng Vọng đến UBND xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương	14.183	14.183		14.183			Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 15/1/2021 của UBND huyện Quảng Xương
6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào làng nghề cói Quảng Phúc dài 500m, rộng 6m (điểm đầu từ ngã tư cánh đồng cói giao giữa Quảng Vọng và Quảng Phúc, điểm cuối là đầu làng cói Quảng Phúc)	1.700	1.700		1.700			
7	Nâng cấp, cải tạo đường nội khu bê tông làng nghề cói Quảng Phúc dài 300m rộng 4m	400	400		400			

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
8	Nâng cấp, cải tạo, làm đường giao thông Quảng Hòa đi Quảng Hợp, huyện Quảng Xương (đoạn từ cây trôi, thôn Hòa Văn, xã Quảng Hòa đến thôn Ân Giang, xã Quảng Hợp).	15.000	15.000		15.000		Công văn số 2071/ UBND-TCKH ngày 06/8/2021 của UBND huyện Quảng Xương	
9	Làm, cải tạo đèn trang trí, chiếu sáng 2 công chào điện tử tại xã Quảng Trung và thị trấn Tân Phong	800	800		800		Công văn số 2071/ UBND-TCKH ngày 06/8/2021 của UBND huyện Quảng Xương	
10	Làm đường giao thông từ tỉnh lộ 4A (TL511) Đến khu du lịch sinh thái Bình Dương Quảng Lưu, Quảng Xương	10.900	10.900		10.900		Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND huyện Quảng Xương	
11	Làm đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái	126.765	44.835	41.300	3.535	81.930	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	
12	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương (đoạn từ Cầu Chèo đi tỉnh lộ 504 thuộc xã Quảng Yên)	3.558	3.558		3.558		Quyết định số 6578/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND huyện Quảng Xương	
13	Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu, thuyền tại cửa sông Lý, huyện Quảng Xương ¹	119.995	39.902	39.902		80.093	Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh	
14	Xây dựng hệ thống cấp điện Quảng Thái (VT1, VT2)	4.546	4.546		4.546		Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Quảng Xương	
15	Xây dựng hệ thống cấp điện Quảng Lợi (Tiên Trang)	6.215	6.215		6.215			
16	Xây dựng hệ thống cấp điện Quảng Hải	6.934	6.934		6.934			
17	Xây dựng hệ thống cấp điện Quảng Nham	7.200				7.200		

¹ Dự án xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu, thuyền tại cửa sông Lý gồm nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó: ngân sách trung ương là 100.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 19.995 triệu đồng.

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
18	Xây dựng hệ thống cấp điện Quảng Yên	5.400	5.400		5.400			
19	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua Quảng Hải, Quảng Thái, Quảng Lợi, Quảng Nham (giai đoạn 1 và 1 phần giai đoạn 2) dài 16km ²	800.000	800.000	800.000				
20	Nâng cấp, mở rộng đường Quảng Thạch đi Quảng Nham huyện Quảng Xương (đoạn từ QL1A đi Quảng Nham) huyện Quảng Xương (dài 1,5km)	15.000	15.000		15.000			
21	Xây dựng đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi đường ven biển từ xã Quảng Chính đi xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương	175.000	32.400	32.400			142.600	Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh
22	Xây dựng 01 bến thuyền du lịch khu vực sông Yên, gần cảng cá Quảng Nham	2.000	2.000			2.000		
23	Xây dựng 01 trạm cứu hộ sông tại khu vực Sông Yên và 03 trạm cứu hộ biển (lần lượt tại: Quảng Lưu, Tiên Trang, Quảng Nham) (xây mới nhà trạm và công trình phụ trợ, diện tích xây dựng 80m ² , mua sắm mới 01 ca nô cứu hộ, trang thiết bị cứu hộ)	12.000	5.000		3.500	1.500	7.000	
24	Xây dựng bãi đỗ xe tại: Khu du lịch khu Quảng Hải, Quảng Thái (500tr/bãi)	1.000	500		500		500	
II	Các dự án phát triển phát triển du lịch	13.190.410	12.983.230	1.420	5.955	12.975.855	207.180	
1	Đô thị du lịch biển Tiên Trang xã Quảng Lợi (Công ty TNHH SOTO)	217.380	38.000			38.000	179.380	KH số 233/KH-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh
2	Khu du lịch thể thao sinh thái Tiên Trang (Công ty TNHH SOTO)	78.000	78.000			78.000		KH số 233/Kh-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh

² Dự án Xây dựng tuyến đường bộ ven biển gồm nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh.

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
3	Khu phức hợp khách sạn trung tâm thương mại xã Quảng Nham (CTCP ORG)	4.969.000	4.969.000			4.969.000		Chấp thuận chủ trương đầu tư tại QĐ 2159/ QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh
4	Khu khách sạn, dịch vụ du lịch, biệt thự nghỉ dưỡng xã Quảng Nham (CTCP đầu tư bất động sản Victoria)	800.000	800.000			800.000		Chấp thuận chủ trương đầu tư tại QĐ 2160/ QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh
5	Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên (Tập đoàn Sungroup)	6.848.910	6.848.910			6.848.910		Chấp thuận chủ trương tại QĐ số 3832/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Thanh Vân xã Quảng Lưu (CTCP thương mại và xây dựng Thanh Vân)	198.000	198.000			198.000		Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 của UBND tỉnh
7	Lắp đặt điểm phát sóng wifi free tại khu du lịch Quảng Nham, Khu du lịch Tiên Trang, khu du lịch Quảng Yên, khu du lịch Quảng Thái	3.000	3.000			3.000		
8	Lắp đặt, cải tạo các nhà vệ sinh công cộng tại: chùa Mậu Xương 02; chùa Diên Phúc 02; đền thờ Trần Nhật Duật 02; làng nghề cói Quảng Phúc 03; mộ và đền thờ Bùi Sỹ Lâm 02.	750	750	300	315	135		
9	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh công cộng kết hợp nhà tắm công cộng tại các điểm du lịch: Bãi tắm Quảng Hải 04; bãi tắm Quảng Thái 04; bãi tắm Quảng Lưu 04; bãi tắm Tiên Trang 04; bãi tắm Quảng Nham 04.	2.200	2.200		660	1.540		
10	Đầu tư bè mảng, thuyền khu vực sông Yên phục vụ khách du lịch	1.000	1.000			1.000		

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
11	Xây dựng các chòi nghỉ ven biển với diện tích 5-8 m ² /chòi tại các bãi tắm:Tiên Trang, Quảng Nham, Quảng Hải, Quảng Lưu, Quảng Thái	450	450			450		
12	Đầu tư xây dựng trung tâm mua sắm mang phong cách làng chài tại Quảng Nham	20.000	6.600		2.000	4.600	13.400	
13	Đầu tư mua trang thiết bị cho các hộ gia đình kinh doanh dịch vụ homestay, tại làng cỏi Quảng Phúc (10 hộ -2025), 05 hộ 2030, làng chài Tiên Trang, làng chài Quảng Hải, làng chài Quảng Thái. (2025:25 hộ, 2030:45 hộ)	7.000	5.600			5.600	1.400	
14	Đầu tư trang thiết bị cho hoạt động chèo thuyền, đò (15 chiếc); cano (15 chiếc); bè mảng (15 chiếc); xe đạp đơn và đôi (30 chiếc ở khu các xã phía Nam ven biển, 30 chiếc ở khu các xã phía Bắc ven biển); xe điện (15 chiếc ở khu các xã phía Nam ven biển, 10 chiếc ở khu các xã phía Bắc ven biển); các dụng cụ ngư cụ, lưới cụ, các thiết bị liên lạc trên biển...	18.500	13.875			13.875	4.625	
15	Hỗ trợ 30 hộ dân tại Thôn Ngưu Phương, xã Quảng Khê tham gia mô hình: Thăm quan, trải nghiệm mô hình du lịch nông thôn	11.500	10.925			10.925	575	
16	Đầu tư kinh phí tổ chức lễ hội đền Trần Nhật Duật; lễ hội Cầu Ngư; diễn trò Tú Huân, Quân Thuyền; lễ hội đua thuyền, cờ người (trang phục biểu diễn lễ hội, thành viên tham gia, trang thiết bị hỗ trợ)	3.000	1.200		600	600	1.800	

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
17	Đầu tư quầy bán hàng, trưng bày sản phẩm mây, tre đan tại nhà văn hóa thôn Chính Trung, TT Tân Phong	160	160		80	80		
18	Mua sắm bộ dụng cụ đặt tại nhà văn hóa sinh hoạt chung của người dân: Dao chẻ, dao cạo, bồn nhúng keo, máy dệt chiếu, se cói... tại nhà văn hóa thôn Chính Trung và làng cói Quảng Phúc	50	50			50		
19	Đầu tư quầy bán hàng, trưng bày sản phẩm đan, dệt cói tại làng cói Quảng Phúc	160	160		80	80		
20	Đầu tư phát triển các khu trò chơi thể thao biển mạo hiểm: Nhảy dù, cano dù biển, mô tô lướt sóng, tại Quảng Thái	2.700	450			450	2.250	
21	Xây dựng trung tâm thông tin du lịch xã Tiên Trang áp dụng công nghệ 4.0, mạng lưới thông tin 3D	900	400		400		500	
22	Lắp đặt các bảng chỉ dẫn tại cổng các điểm, khu du lịch Tiên Trang, Quảng Thái, Quảng Lưu, Quảng Yên, làng nghề cói, Quảng Nham, Quảng Trung	4.500	1.900		700	1.200	2.600	
23	Lắp máy camera tại các điểm tập trung đông du khách để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những hành vi vi phạm trong hoạt động du lịch của người dân lẫn du khách	3.250	2.600	1.120	1.120	360	650	
III	Nhóm dự án bảo vệ TNMT du lịch	30.040	21.180	8.790	8.230	4.160	8.860	
1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại khu vực ven biển: các xã phía Bắc ven biển (xã Quảng Hải, Quảng Thái, Quảng Lưu, Tiên Trang); các xã phía Nam ven biển (xã Quảng Thạch, Quảng Nham); xã phía Tây Bắc (xã Quảng Yên)	24.000	16.800	7.000	6.440	3.360	7.200	

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
2	Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải làng còi tại xã Quảng Phúc	3.000	2.250	900	900	450	750	
3	Lắp đặt hệ thống thùng rác công cộng dọc đường khu, điểm du lịch trung bình 30-40m đặt 01 thùng rác	3.040	2.130	890	890	350	910	
IV	Nhóm bảo tồn và tôn tạo di tích phát huy giá trị văn hóa phát triển du lịch	80.460	33.801	2.363	15.984	15.454	46.659	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Mậu Xương	3.000	2.700			2.700	300	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích phúc và bia Tây Sơn	2.760	2.484			2.484	276	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Mộ và đền thờ Hoàng Bùi Hoàn	3.500	3.150	2.363	787		350	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Đền thờ Bùi Sỹ Lâm	2.500	1.750			1.750	750	
5	Di tích lịch sử Đền An Đông	6.800	6.120			6.120	680	CV số 2900/ SVHTTDL-DSVH ngày 04/10/2018 của Sở VH TTDL
6	Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh Cây đa Làng Si: Hạng mục Nhà lưu niệm, phù điêu, khuôn viên.	3.900	3.510		3.510		390	
7	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử Bến Phà Ghép	55.000	11.687		11.687		43.313	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Riêng	3.000	2.400			2.400	600	
V	Nhóm đào tạo nguồn nhân lực du lịch	4.700	2.089	1.046	626	417	2.611	
1	Mở lớp đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực du lịch (1 lớp/ năm)	450	200	100	60	40	250	
2	Mở lớp đào tạo nâng cao trình độ quản lý và an toàn trong kinh doanh các dịch vụ du lịch (2 năm/ lớp)	250	111	56	33	22	139	

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
3	Tổ chức lớp nghiệp vụ phát triển sản phẩm, phục vụ khách sạn nhà hàng điềm du lịch (1 lớp/ năm)	450	200	100	60	40	250	
4	Tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch (1 lớp/ năm)	450	200	100	60	40	250	
5	Tổ chức khóa học về an toàn sông nước, an toàn biển, nghiệp vụ cứu hộ, cấp cứu (2 năm/ lớp)	250	111	56	33	22	139	
6	Tổ chức đào tạo tham quan thực tế học tập kinh nghiệm các địa phương phát triển du lịch khách trong nước (2 năm/ lớp)	350	156	78	47	31	194	
7	Tổ chức lớp đào tạo lực lượng an ninh bảo vệ (2 năm /lớp)	250	111	56	33	22	139	
8	Tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ khách sạn (lễ tân, buồng phòng, nấu ăn) cho nhân viên các cơ sở lưu trú (1 lớp/ năm)	450	200	100	60	40	250	
9	Tổ chức lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người dân và các đơn vị kinh doanh du lịch (1 lớp/ năm)	450	200	100	60	40	250	
10	Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ vận chuyển hành khách (bằng thuyền, xuồng, tàu, xe điện...) (1 lớp/ năm)	450	200	100	60	40	250	
11	Tổ chức lớp học nâng cao nhận thức của người dân về hoạt động du lịch, văn minh du lịch, giao tiếp trong du lịch (1 lớp/ năm)	450	200	100	60	40	250	
12	Tổ chức lớp đào tạo ngoại ngữ cho người dân, quản lý tham gia vào hoạt động du lịch (1lớp/năm)	450	200	100	60	40	250	
VI	Nhóm xúc tiến, quảng bá du lịch	13.400	7.615	1.122	3.360	3.133	5.785	

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kinh phí giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Tổng kinh phí giai đoạn	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	Xã hội hóa		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống hướng dẫn thông tin du lịch, bảng thông tin, biển báo, tờ rơi, tập gấp) tại các điểm du lịch	2.200	1.000		300	700	1.200	
2	Xây dựng chiến lược quảng bá thương hiệu du lịch huyện Quảng Xương	450	450	200	250			
3	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu gồm: Slogan và Logo thương hiệu sản phẩm du lịch huyện Quảng Xương	450	450	200	250			
4	Xây dựng trang web giới thiệu, quảng bá du lịch huyện Quảng Xương: Thiết kế trang web; Xây dựng nội dung (bài viết, hình ảnh, quay phim, quay TVC quảng cáo), quản lý trang web và cập nhật thông tin	1.900	1.615	722	510	383	285	
5	Tổ chức chương trình khảo sát, quảng bá du lịch tới các công ty lữ hành	900	400		200	200	500	
6	Tổ chức các đoàn famtrip đến khảo sát đến trải nghiệm, làm quen, tìm hiểu, khảo sát các khu, điểm du lịch, tuyên truyền, kêu gọi đầu tư cho du lịch tại huyện (2 năm 1 lần)	1.500	700		350	350	800	
7	Phát triển các kênh thông tin giới thiệu qua các trang mạng xã hội: Facebook, Youtube, Google...	1.500	750		500	250	750	
8	Lắp đặt các biển quảng cáo, phát tờ rơi, tập gấp, giới thiệu sản phẩm du lịch của huyện tại các điểm du lịch đang có sẵn nguồn khách như khu du lịch biển Tiên Trang, chùa Diên Phúc, chùa Mậu Xương...	2.500	1.250		500	750	1.250	
9	Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, hội chợ xúc tiến du lịch trong tỉnh, trong nước	2.000	1.000		500	500	1.000	